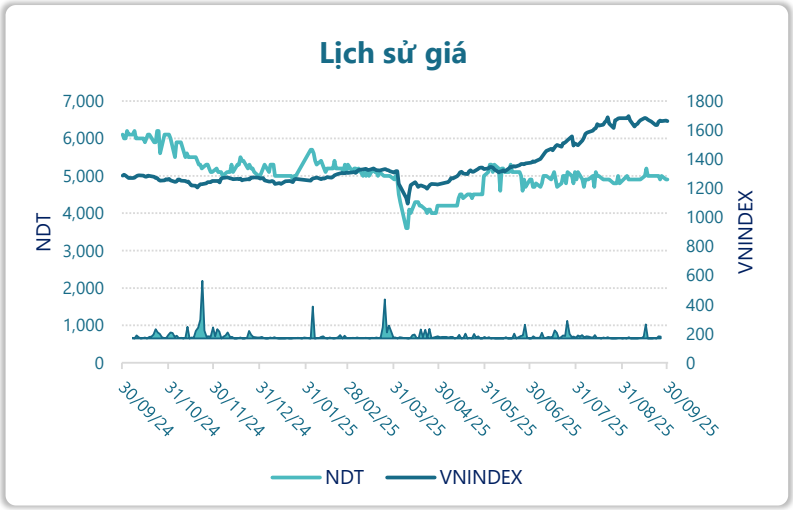
FireAnt

Tổng CTCP Dệt may Nam Định (UPCOM: NDT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	15,639,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,190
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
P/E	-2.1
EPS	-2,382

DT thuần

Q3/25

259

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0| -11.8%

YoY: ▼110| -29.7%

LN sau thuế

Q3/25

2.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.62| 143%

YoY: ▲ 16.7| 114%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

9T 2025

827

tỷ VNĐ

YoY: ▼221| -21.1%

LN sau thuế

9T 2025

-10.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 57.0| 84.0%

ROE

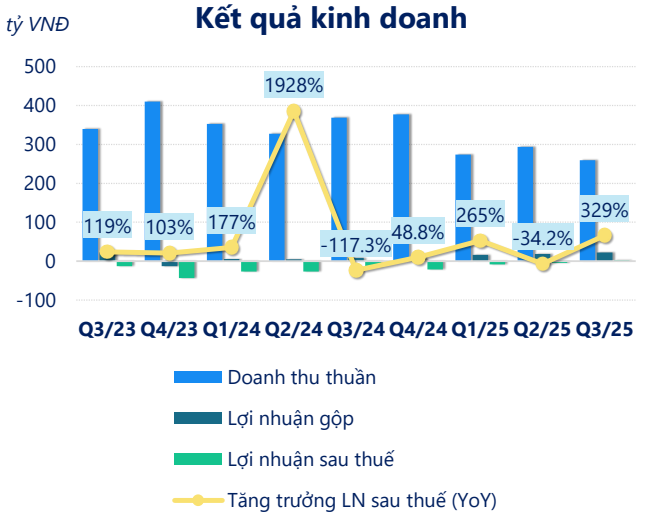
Q3/25

-51.4%

+/- YoY: ▲ 22.5%

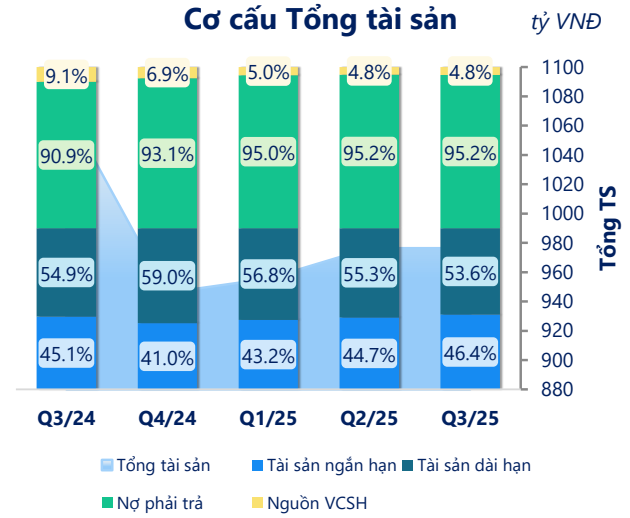
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



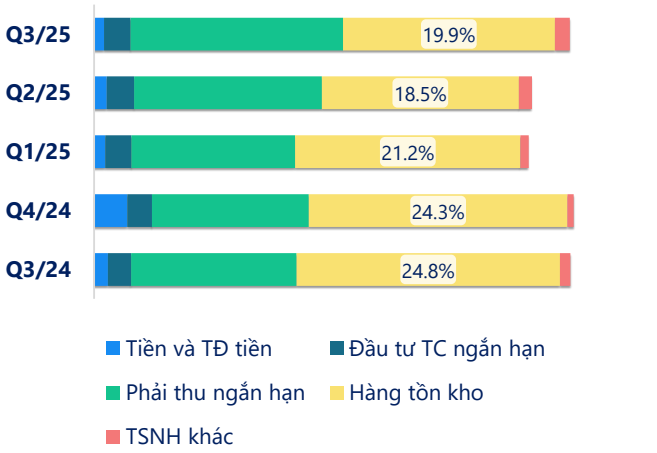
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



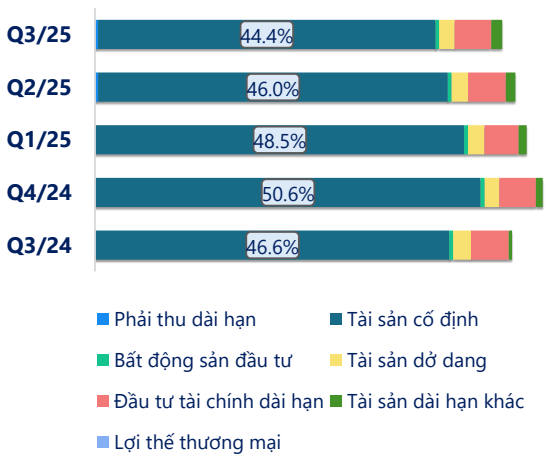
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



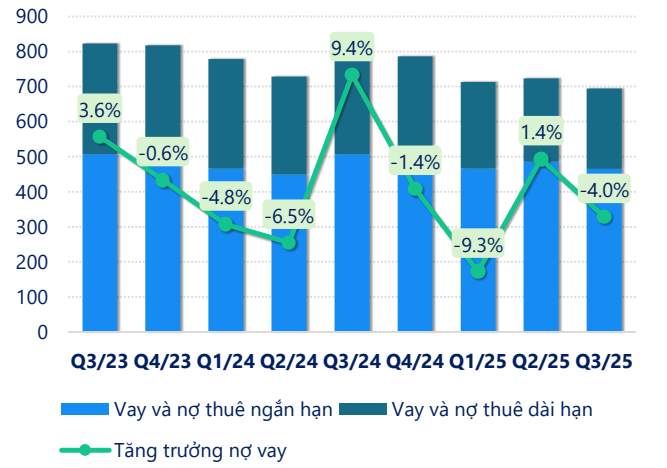
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



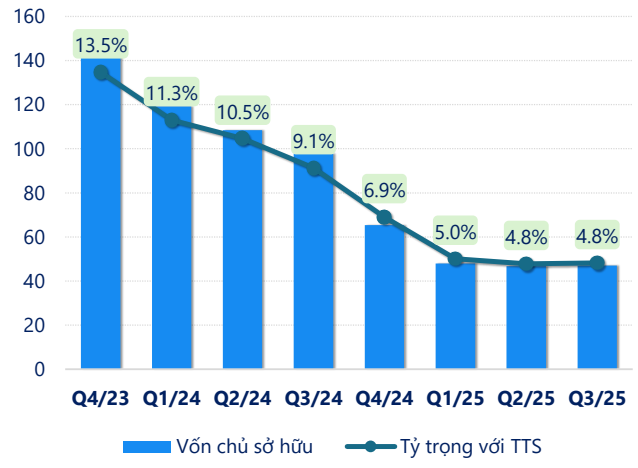
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



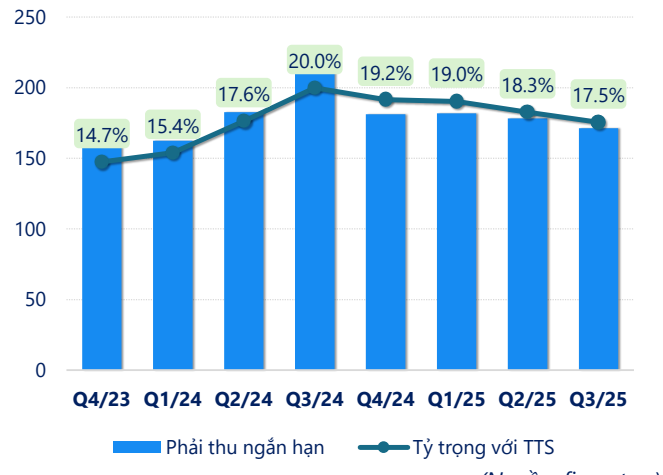
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



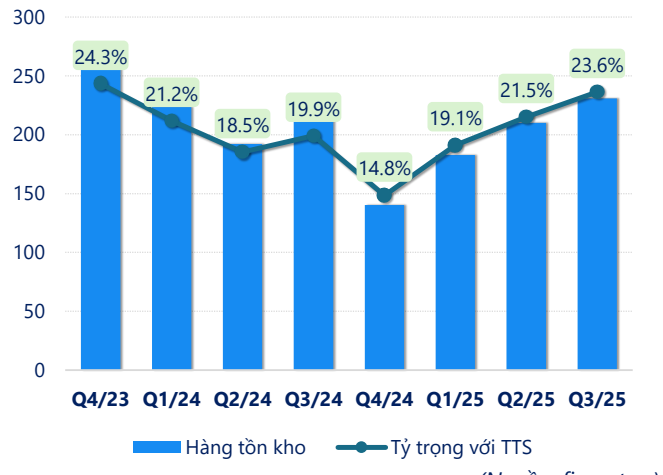
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



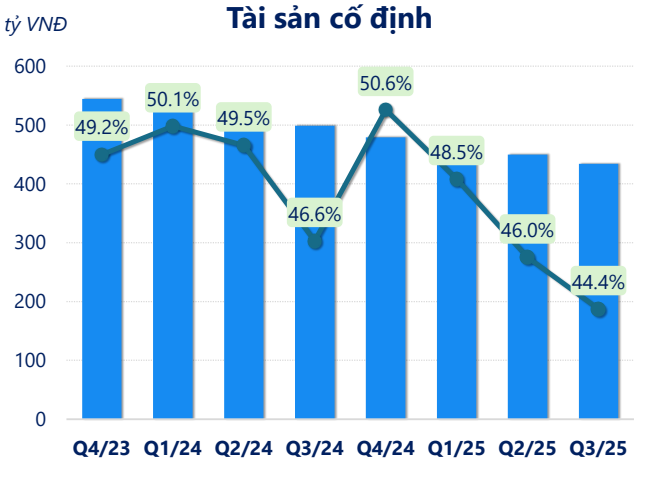
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



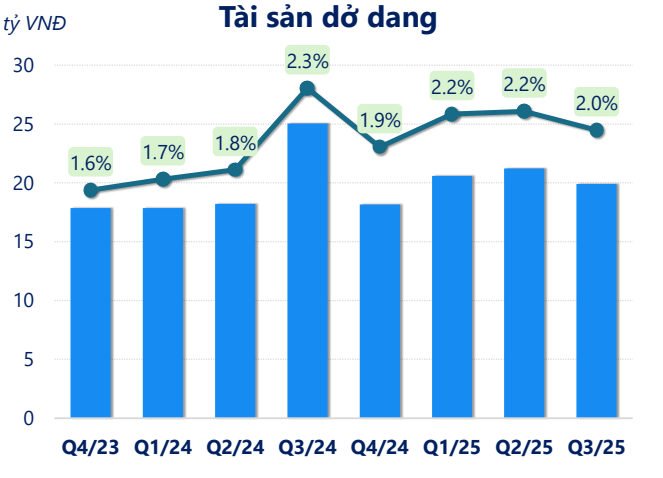
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



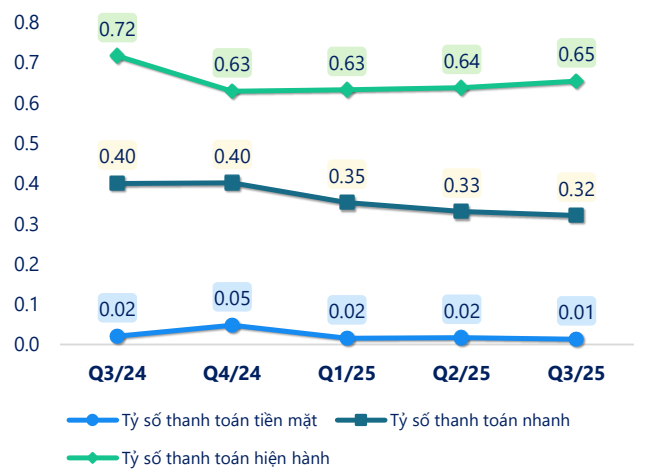
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



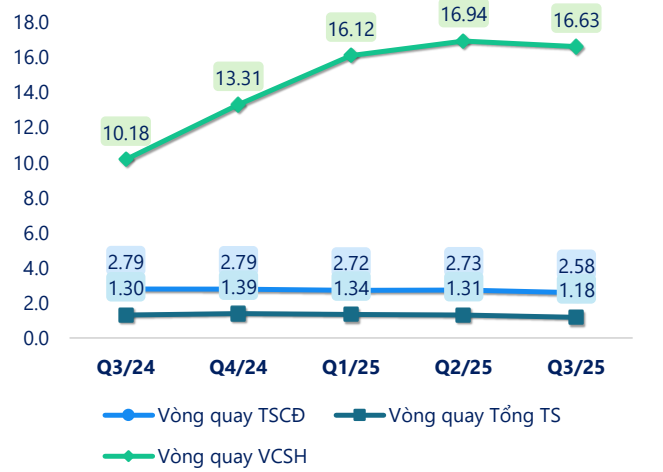
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,072**	**946**	**956**	**976**	**976**
Tài sản ngắn hạn	**483**	**388**	**413**	**436**	**453**
Tiền và tương đương tiền	13.9	29.5	10.1	11.7	9.08
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.7	28.3	28.5	28.7	32.2
Phải thu ngắn hạn	214	181	182	178	171
Hàng tồn kho	214	140	183	210	231
Tài sản ngắn hạn khác	15.0	8.77	9.44	7.26	9.42
Tài sản dài hạn	**588**	**558**	**543**	**540**	**524**
Phải thu dài hạn	1.06	0.98	0.90	4.10	4.02
Tài sản cố định	499	479	463	450	434
Bất động sản đầu tư	5.29	5.12	4.96	4.81	4.66
Tài sản dở dang	25.0	18.2	20.6	21.2	19.9
Đầu tư tài chính dài hạn	53.6	45.6	43.3	48.5	46.9
Tài sản dài hạn khác	4.45	8.85	9.91	12.1	14.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**974**	**881**	**908**	**930**	**929**
Nợ ngắn hạn	**674**	**617**	**652**	**684**	**692**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	507	531	466	486	465
Phải trả người bán ngắn hạn	112	60.1	155	165	183
Nợ dài hạn	300	264	256	246	237
Vay và nợ thuê dài hạn	290	255	247	238	229
Nguồn vốn chủ sở hữu	**97.8**	**65.3**	**47.9**	**46.7**	**47.1**
Vốn chủ sở hữu	**97.8**	**65.3**	**47.9**	**46.7**	**47.1**
Vốn điều lệ	156	156	156	156	156
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)